



SẢN PHẨM THANG MÁNG CÁP

SO SÁNH VỀ CẤU TẠO SẢN PHẨM VÀ CẤU HÌNH GIÁ





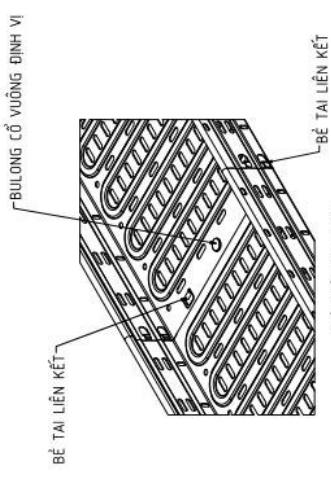
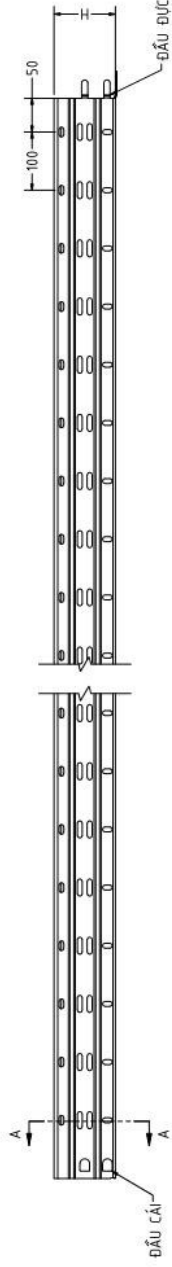
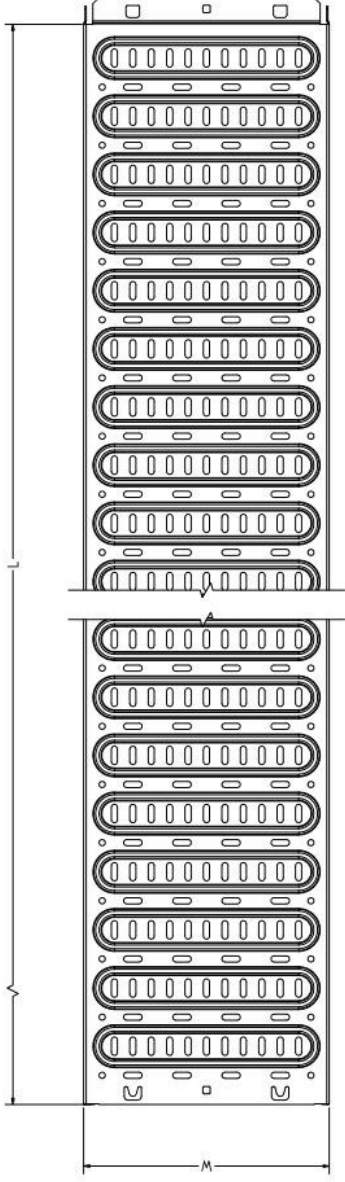
CẦU TẠO ƯU VIỆT CỦA STARDUCT

- Sản phẩm có cấu tạo ưu việt:
 - Chuẩn về kích thước, biên dạng do sản xuất tự động hoàn toàn.
 - Khỏe, nhẹ dẫn đến tổng chi phí hệ thống thấp.
 - Mối nối liền, tiết kiệm chi phí phụ kiện và thời gian lắp đặt.
 - Giảm thiểu các tác động ăn mòn.
- Tiêu chuẩn chất lượng:
 - Chứng nhận hợp chuẩn TCVN/IEC với 14 chỉ tiêu thử nghiệm.
 - Đồng bộ hệ quang treo, giá đỡ hợp chuẩn.
 - Chỉ tiêu tải trọng rõ ràng, dễ dàng lựa chọn để tiết kiệm hơn trong thiết kế.

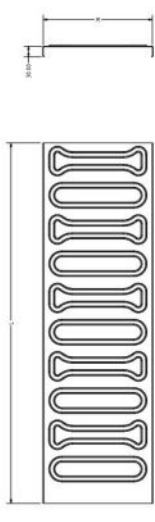




CẤU TẠO MÁNG CÁP



Mối nối coupler liên kiểu bê tai,
kết hợp bulon



THÔNG TIN KỸ THUẬT :

-TIÊU CHUẨN CHẾ TẠO : IEC 61537-2006

Đặc điểm :

-Gân tăng cứng thành và mặt để giúp giảm trọng lượng và độ dày của máng

-Thành máng thiết kế móc uốn giúp tăng khả năng chịu tải

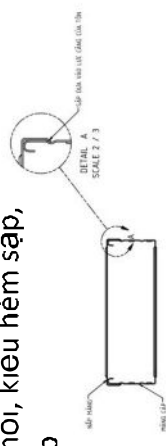
-Kết nối bằng tai bê, giúp thi công nhanh và tiết kiệm chi phí miếng nối

-Diện tích thông thoáng của máng đạt Class C (trên 15% tới 30 %)

Lắp đặt :

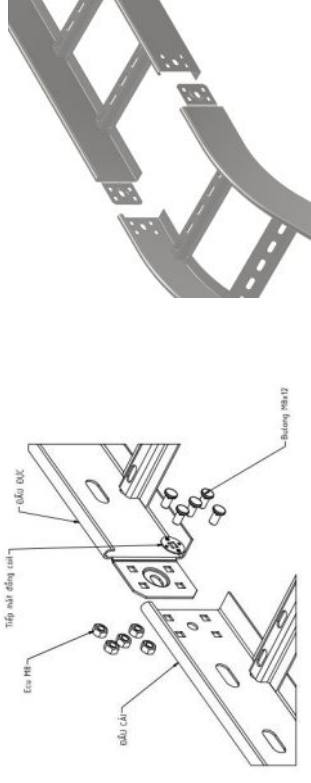
-Khoảng cách tiêu chuẩn giữa giá đỡ máng cáp 1.5 m

Nắp dập gân nổi, kiểu hèm sập,
không cần kẹp

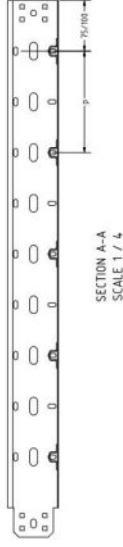
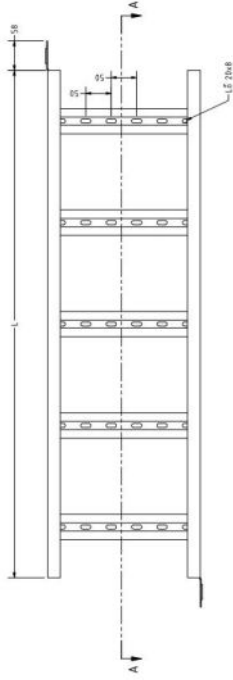
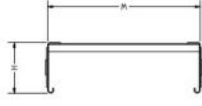




CẤU TẠO THANG CÁP STARDUCT



LIÊN KẾT ĐÀU THANG CÁP
SCALE 1 / 2



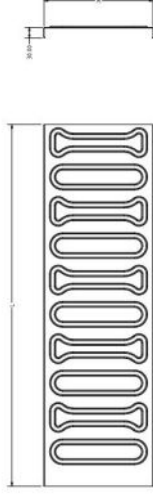
THÔNG TIN KỸ THUẬT :

-TIÊU CHUẨN CHẾ TẠO : IEC 61537-2006

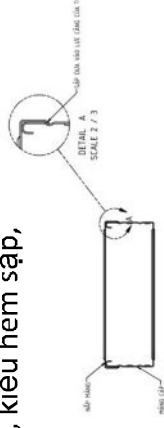
Đặc điểm :

- Liên kết thành thang với thanh Rung là liên kết đột bấm (không hàn) hạn chế gỉ sét và ăn mòn do môi trường.
- Thành thang thiết kế móc uốn giúp tăng khả năng chịu tải
- Kết nối bằng bulong cổ + tai liên thành , giúp thi công nhanh và tiết kiệm chi phí miếng nối
- Miếng tiếp mắt coil thi công nhanh chóng, giảm chi phí, không bị rơi trong quá trình sử dụng !
- Điện tích thông thoáng của máng đạt 80 %
- Lắp đặt :
- Khoảng cách tiêu chuẩn giữa giá đỡ máng cáp 1.5 m

Mỗi nối coupler liền, kết hợp bulon. Nối mắt kiểu đồng xu



Nắp dập gân nổi, kiểu hèm sập, không cần kẹp





Giảm chi phí vật liệu và nhân công với kết nối S-Joint của Starduct



Kết nối kiểu TRUYỀN THỐNG



- 2 miếng nối
- 1 dây tiếp địa
- 18-20 bu-lông



Kết nối kiểu STARDUCT

- 0 miếng nối
- 1 coin tiếp địa
- 10 bu-lông

**Giảm tới
55%
chi phí**



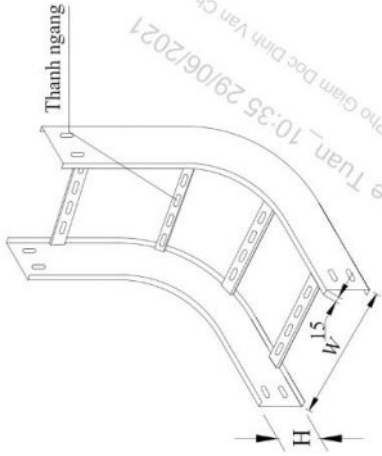
TRUYỀN THỐNG

Dây tiếp địa lắp
ngoài dễ bị ăn mòn
hoặc hư hại

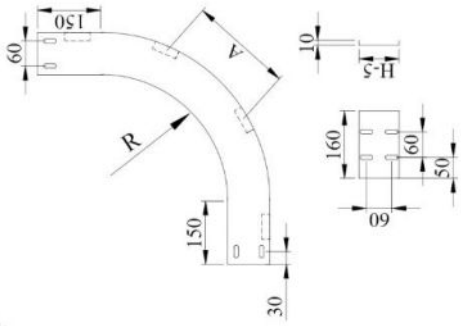


STARDUCT

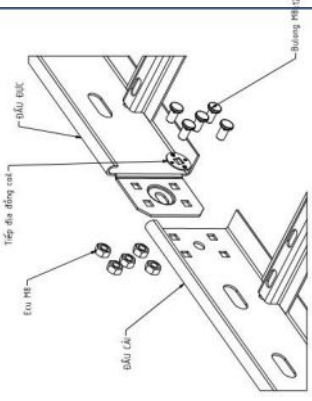
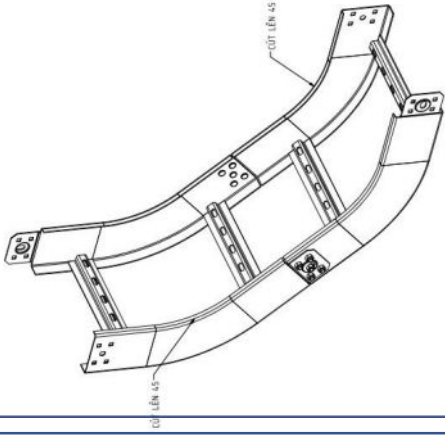
Coin tiếp địa lắp chìm
an toàn, đầu nối có khe
kiểm tra



CHÉCH LÊN THANG



Nối thang



LIÊN KẾT ĐẦU THANG CÁP
SCALE 1 / 2

MÔI NỐI COUPLER RỜI TRONG THIẾT
KẾ BAN HÀNH NGÀY 23.06.2021. Thay
thế cho bản vẽ 12-TMC/P.TBĐ

MÔI NỐI COUPLER LIÊN TRONG
THIẾT KẾ STARDUCT ĐÃ GỬI VÀ HÒA
PHÁT ĐÃ PHÊ DUYỆT VÀ ÁP DỤNG THÍ
ĐIỂM NĂM 2021



LỢI THẾ VỀ CÔNG NGHỆ GIA CÔNG VÀ GIÁ THÀNH

Do tác dụng đặc biệt của các gân dập nổi trên thành và lòng máng, nên Máng cáp STARDUCT có thể giảm được độ dày vật liệu mà vẫn đảm bảo yêu cầu về tải trọng cáp theo qui định. Với cùng một mức tải trọng yêu cầu đối với cùng một kích thước, Máng cáp Starduct có thể tiết kiệm được từ 20 đến >40% NVL, giúp giảm từ 10 đến 30% đơn giá sản phẩm (Tùy size):

LOẠI	THANG MÁNG CÁP THEO THIẾT KẾ HIỆN TẠI						THANG MÁNG CÁP NSCA						Tỉ lệ chênh lệch (%) Máng NSCA/thị trường
	TÊN	KÍCH THƯỚC			Cân nặng/3 mét	TÊN	KÍCH THƯỚC			Cân nặng/3 mét			
		W (mm)	H(mm)	L(mm) R (mm)			Độ dày (mm)	W (mm)	H(mm)		L(mm) R (mm)	Độ dày (mm)	
Thang cáp (bước thang 250 mm)	100x100x3000	100	100	3000	1.5	10.60	100x100x3000	100	100	3000	1.2	8.48	-20.00%
	200x100x3000	200	100	3000	1.5	17.66	200x100x3000	200	100	3000	1.2	14.13	-20.00%
	300x100x3000	300	100	3000	1.5	24.73	300x100x3000	300	100	3000	1.2	19.78	-20.00%
	400x100x3000	400	100	3000	1.5	31.79	400x100x3000	400	100	3000	1.5	31.79	0.00%
	500x100x3000	500	100	3000	1.5	38.86	500x100x3000	500	100	3000	1.5	38.86	0.00%
	600x100x3000	600	100	3000	1.5	45.92	600x100x3000	600	100	3000	1.5	45.92	0.00%
Máng cáp	100x100x3000	100	100	3000	1.5	10.60	100x100x3000	100	100	3000	0.8	5.65	-46.67%
	200x100x3000	200	100	3000	1.5	17.66	200x100x3000	200	100	3000	0.8	9.42	-46.67%
	300x100x3000	300	100	3000	1.5	24.73	300x100x3000	300	100	3000	1	16.49	-33.33%
	400x100x3000	400	100	3000	1.5	31.79	400x100x3000	400	100	3000	1.2	25.43	-20.00%
	500x100x3000	500	100	3000	1.5	38.86	500x100x3000	500	100	3000	1.2	31.09	-20.00%
	600x100x3000	600	100	3000	1.5	45.92	600x100x3000	600	100	3000	1.5	45.92	0.00%
NẮP TMC	100x100x3000	100	15	3000	1.5	7.59	100x30x3000	100	30	3000	0.8	4.33	-42.95%
	200x100x3000	200	15	3000	1.5	14.66	200x30x3000	200	30	3000	0.8	8.10	-44.74%
	300x100x3000	300	15	3000	1.5	21.72	300x30x3000	300	30	3000	0.8	11.87	-45.37%
	400x100x3000	400	15	3000	1.5	28.79	400x30x3000	400	30	3000	1	19.55	-32.11%
	500x100x3000	500	15	3000	1.5	35.85	500x30x3000	500	30	3000	1	24.26	-32.35%
	600x100x3000	600	15	3000	1.5	43.02	600x30x3000	600	30	3000	1	30.87	-33.51%



LỢI THẾ VỀ VẬT LIỆU VÀ CHI PHÍ

- Starduct đề xuất sử dụng tôn ZAM, lớp mạ K27 của Nippon Steel, Khác biệt so với mạ kẽm nhúng nóng sau gia công như sau :
 - Mạ kẽm nhúng nóng không áp dụng được với độ dày <1.5mm. Làm cho chi phí NVL bị tăng cao, đặc biệt với các size nhỏ.
 - Chất lượng và độ dày lớp mạ kẽm không đồng đều, khó đạt mức Z550.
 - Tốc độ bay hơi của kẽm là 11g/m²/năm, lớp mạ ZAM K27 là 3g/m²/năm. Đồng nghĩa với tuổi thọ chống ăn mòn của ZAM K27 cao gấp 3.66 lần mạ kẽm nhúng nóng (So với lớp mạ Z550). Chưa tính đến các yêu tố đặc thù của vùng ven biển, có ăn mòn cao như Dung Quat.
- Các bước trong gia công phức tạp gây tăng chi phí. Chi phí mạ kẽm cao, phụ thuộc vào đơn vị mạ. Không chủ động về tiến độ. Tổng giá thành NVL + Mạ cao hơn ZAM K27.
- Khó kiểm soát chất lượng thép đến sử dụng để mạ nhúng nóng.



CƠ SỞ ĐỀ XUẤT GIẢM ĐỘ DÀY THIẾT KẾ

- Các kết quả thử nghiệm tải trọng an toàn (SWL) và 14 chỉ tiêu khác theo chứng nhận hợp chuẩn TCVN 10688-2015/IEC 61537:2006 số **SP 2781.20.17**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST RESULT)

TT	Tính chất (Characteristics)	Mức yêu cầu (Requirements) TCVN 10688:2015 (IEC 61537:2006)	Kết quả (Results)	Phương pháp thử (Test method)	Đánh giá (Evaluation)
1	Thử tải làm việc an toàn SWL tại nhiệt độ thấp (SWL test at minimum temperature) - Nhiệt độ thử (Test temperature): -5°C - Khoảng cách gối đỡ (Span): 1500 mm - Tải trọng thử (Applied load): 153 kg	Điều 10.2 (Clause 10.2) - Độ võng ≤ 15 mm - Mẫu không hư hại khi đặt tải trọng thử bằng 1,7 lần SWL	- Độ võng khi đủ tải: 3,01 mm - Mẫu không hư hại khi đặt tải trọng thử bằng 1,7 lần SWL (260g)	TCVN 10688:2015 (IEC 61537:2006)	Đạt (pass)
	Thử tải làm việc an toàn SWL tại nhiệt độ cao (SWL test at high temperature) - Nhiệt độ thử (Test temperature): 60°C - Khoảng cách gối đỡ (Span): 1500 mm - Tải trọng thử (Applied load): 153 kg	Điều 10.2 (Clause 10.2) - Độ võng ≤ 15 mm - Mẫu không hư hại khi đặt tải trọng thử bằng 1,7 lần SWL	- Độ võng khi đủ tải: 3,19 mm - Mẫu không hư hại khi đặt tải trọng thử bằng 1,7 lần SWL (260kg)	TCVN 10688:2015 (IEC 61537:2006)	Đạt (pass)

Ghi chú (Notes):

- * Nhiệt độ thử nghiệm và khả năng chịu tải trong an toàn SWL theo công bố của khách hàng
- Hình ảnh mẫu thử nghiệm tải làm việc an toàn SWL tại nhiệt độ thấp và nhiệt độ cao trong phụ lục đính kèm

Phụ lục (Annex)

Hình ảnh mẫu thử nghiệm tải làm việc an toàn SWL, chỉ có giá trị xác thực khi đính kèm biên bản thử nghiệm (The Figure of sample testing the SWL test, only valid when attached to the test report)



Hình ảnh mẫu thử tại nhiệt độ thấp

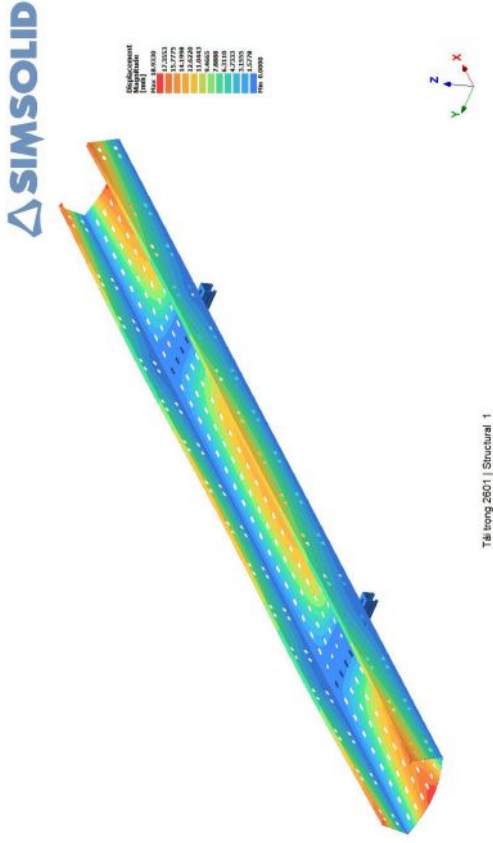
Hình ảnh mẫu thử tại nhiệt độ cao



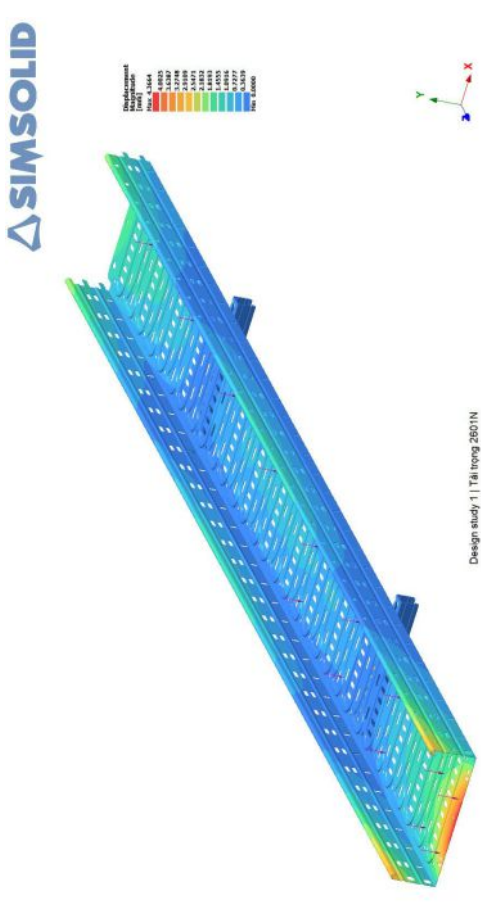


CƠ SỞ ĐỀ XUẤT GIẢM ĐỘ DÀY THIẾT KẾ MÁNG CÁP

- Các kết quả thử độ võng bằng phần mềm SimSolid cho thấy máng có dập gân có độ võng ít hơn khoảng 4 lần so với máng phẳng có cùng độ dày vật liệu.



- Máng thị trường size 300x100x3000 **đày 1.0 mm**, khoảng cách gối đỡ 1.5m Tải trọng : 1700kg/m³ hệ số 1.7 (theo IEC 61537:2006)
- Độ võng : 18.93 mm
 - Độ võng tối đa cho phép : L/100 = 15mm (L= Khoảng cách 2 gối đỡ)

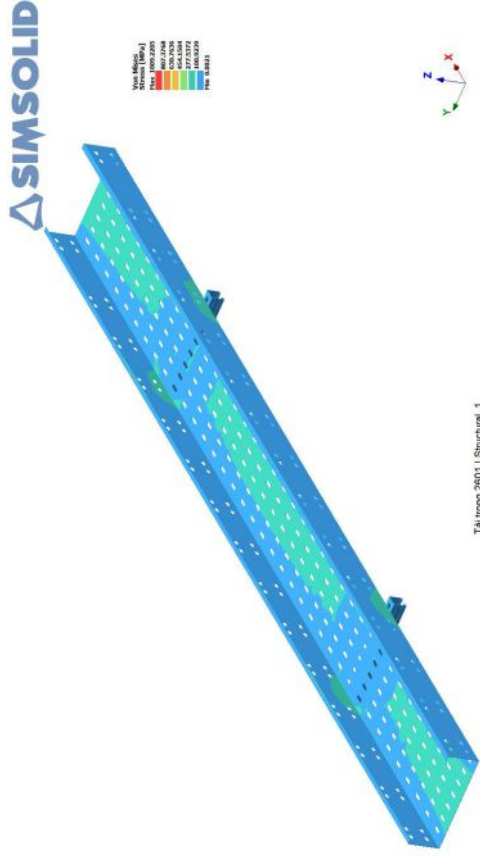


- Máng Starduct dập gân size 300x100x3000 **đày 1.0 mm**, khoảng cách gối đỡ 1.5m Tải trọng : 1700kg/m³ hệ số 1.7 (theo IEC 61537:2006)
- Độ võng : 4.36 mm
 - Độ võng tối đa cho phép : L/100 = 15mm (L= Khoảng cách 2 gối đỡ)



CƠ SỞ ĐỀ XUẤT GIẢM ĐỘ DÀY THIẾT KẾ MÁNG CÁP

- Các kết quả thử ứng suất vật liệu bằng phần mềm SimSolid cho thấy máng có đập gân triệt tiêu được các ứng suất có hại trong lòng máng có cùng độ dày vật liệu.



- Máng thị trường size 300x100x3000 dày 1.0 mm, khoảng cách gói đỡ 1.5m Tải trọng : 1700kg/m³ hệ số 1.7 (theo IEC 61537:2006)
- Xuất hiện các vùng có ứng suất cao trong lòng máng.
 - Nguy cơ biến dạng không thể đàn hồi



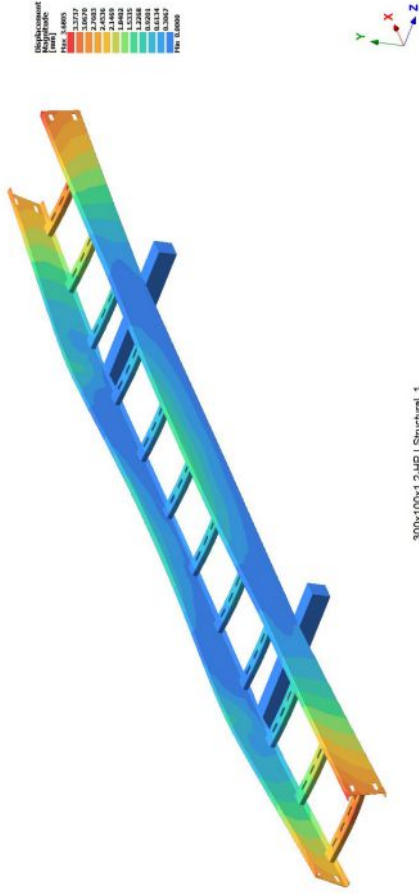
- Máng Starduct size 300x100x3000 dày 1.0 mm, khoảng cách gói đỡ 1.5m Tải trọng : 1700kg/m³ hệ số 1.7 (theo IEC 61537:2006)
- Không Xuất hiện các vùng có ứng suất cao trong lòng máng.
 - Không có nguy cơ gây biến dạng không đàn hồi



CƠ SỞ ĐỀ XUẤT GIẢM ĐỘ DÀY THIẾT KẾ THANG CẤP

- Các kết quả thử độ võng bằng phần mềm SimSolid cho thấy thang cáp có dập gân có độ võng ít hơn khoảng 1.6 lần so với thang cáp phẳng có cùng độ dày vật liệu.

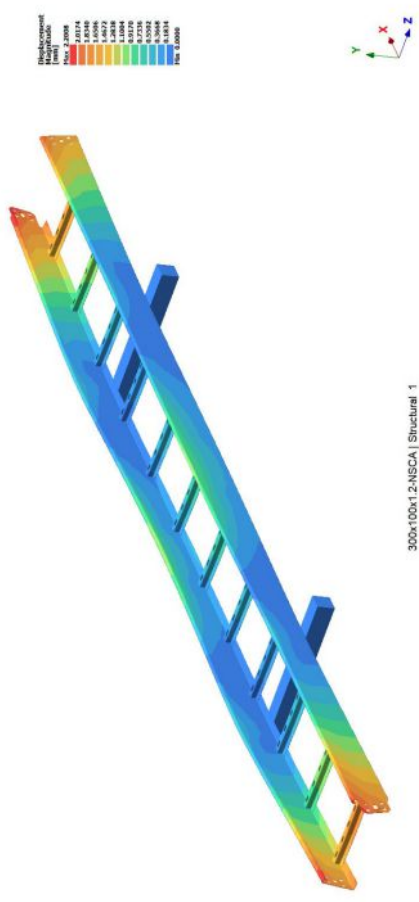
 SIMSOLID



Thang cáp thị trường size 300x100x3000 dày 1.2 mm, bước thang 250 mm khoảng cách gối đỡ 1.5m Tải trọng : 1700kg/m³ hệ số 1.7*3 (theo IEC 61537:2006)

- Độ võng : 3.68 mm
- Độ võng tối đa cho phép : L/100 = 15mm (L= Khoảng cách 2 gối đỡ)

 SIMSOLID



Thang cáp Starduct dập gân size 300x100x3000 dày 1.2 mm, bước thang 250 mm, khoảng cách gối đỡ 1.5m Tải trọng : 1700kg/m³ hệ số 1.7*3 (theo IEC 61537:2006)

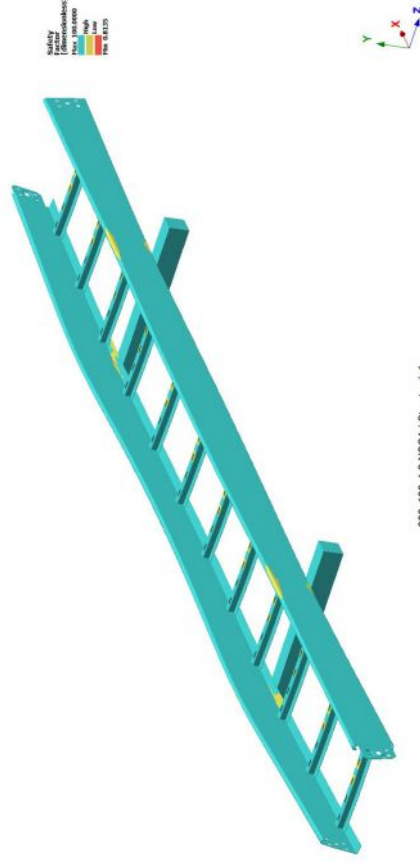
- Độ võng : 2.2 mm
- Độ võng tối đa cho phép : L/100 = 15mm (L= Khoảng cách 2 gối đỡ)



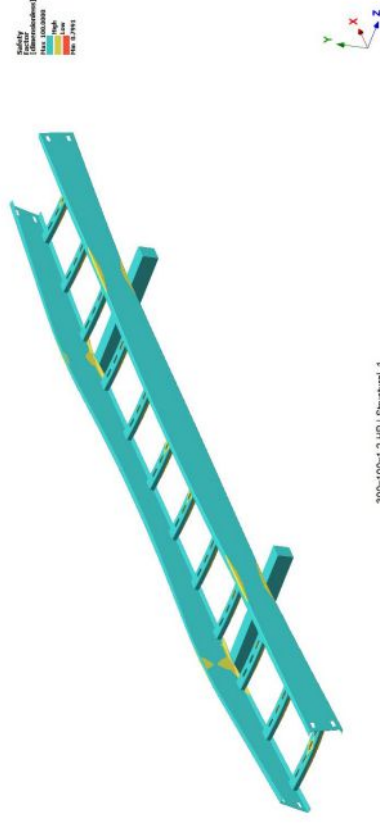
CƠ SỞ ĐỀ XUẤT GIẢM ĐỘ DÀY THIẾT KẾ THANG CÁP

- Các kết quả thử ứng suất vật liệu bằng phần mềm SimSolid cho thấy thang cáp với độ dày 1.2 mm đều đạt giới hạn an toàn với tải thử nghiệm theo tiêu chuẩn IEC 61537:2006

 SIMSOLID



 SIMSOLID



Thang cáp thị trường size 300x100x3000 **đày 1.2 mm**, bước thang 250 mm khoảng cách gối đỡ 1.5m Tải trọng : 1700kg/m³ hệ số 1.7*3 (theo IEC 61537:2006)

- Các vị trí không an toàn nằm chủ yếu ở phần thang tiếp xúc với hệ đỡ, tuy nhiên không ảnh hưởng gì đến biến dạng vật liệu với tải như trên

Thang cáp Starduct dập gân size 300x100x3000 **đày 1.2 mm**, bước thang 250 mm, khoảng cách gối đỡ 1.5m Tải trọng : 1700kg/m³ hệ số 1.7*3 (theo IEC 61537:2006)

- Các vị trí không an toàn nằm chủ yếu ở phần thang tiếp xúc với hệ đỡ, tuy nhiên không ảnh hưởng gì đến biến dạng vật liệu với tải như trên



ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ TÍNH TOÁN THIẾT KẾ

- Căn cứ vào tính toán thiết kế, và các thử nghiệm thực tế theo tiêu chuẩn TCVN 10688:2015/IEC 61537 : 2006, phía NSCA đưa ra các độ dày như bảng để phù hợp với tiêu chuẩn và tối ưu hóa trong sản xuất

LOẠI	THANG MÁNG CẤP THEO THIẾT KẾ HIỆN TẠI						THANG MÁNG CẤP NSCA						Tỉ lệ chênh lệch (%) Máng NSCA/thị trường
	TÊN	KÍCH THƯỚC			Độ dày (mm)	TÊN	KÍCH THƯỚC			Độ dày (mm)			
		W (mm)	H (mm)	L (mm) R (mm)			W (mm)	H (mm)	L (mm) R (mm)				
Thang cáp (bước thang 250 mm)	100x100x3000	100	100	3000	1.5	100x100x3000	100	100	3000	1.2	-20.00%		
	200x100x3000	200	100	3000	1.5	200x100x3000	200	100	3000	1.2	-20.00%		
	300x100x3000	300	100	3000	1.5	300x100x3000	300	100	3000	1.2	-20.00%		
	400x100x3000	400	100	3000	1.5	400x100x3000	400	100	3000	1.5	0.00%		
	500x100x3000	500	100	3000	1.5	500x100x3000	500	100	3000	1.5	0.00%		
	600x100x3000	600	100	3000	1.5	600x100x3000	600	100	3000	1.5	0.00%		
Máng cáp	100x100x3000	100	100	3000	1.5	100x100x3000	100	100	3000	0.8	-46.67%		
	200x100x3000	200	100	3000	1.5	200x100x3000	200	100	3000	0.8	-46.67%		
	300x100x3000	300	100	3000	1.5	300x100x3000	300	100	3000	1	-33.33%		
	400x100x3000	400	100	3000	1.5	400x100x3000	400	100	3000	1.2	-20.00%		
	500x100x3000	500	100	3000	1.5	500x100x3000	500	100	3000	1.2	-20.00%		
	600x100x3000	600	100	3000	1.5	600x100x3000	600	100	3000	1.5	0.00%		
NÁP TMC	100x100x3000	100	15	3000	1.5	100x30x3000	100	30	3000	0.8	-46.67%		
	200x100x3000	200	15	3000	1.5	200x30x3000	200	30	3000	0.8	-46.67%		
	300x100x3000	300	15	3000	1.5	300x30x3000	300	30	3000	0.8	-46.67%		
	400x100x3000	400	15	3000	1.5	400x30x3000	400	30	3000	1	-33.33%		
	500x100x3000	500	15	3000	1.5	500x30x3000	500	30	3000	1	-33.33%		
	600x100x3000	600	15	3000	1.5	600x30x3000	600	30	3000	1	-33.33%		



KHẪNG ĐỊNH KẾT QUẢ TÍNH TOÁN

NSCA sẽ tiến hành sản xuất các Thang, Máng cáp với độ dày như đã đề xuất và thử nghiệm tải trọng, độ võng... tại Trung Tâm Thí Nghiệm An Toàn thuộc Viện Vật Liệu Xây Dựng, Bộ Xây dựng để đánh giá mở rộng CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN TCVN 10688:2015/IEC 61537:2006 để làm cơ sở xác nhận việc tính toán của NSCA.





CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN QUACERT

Phạm vi chứng nhận hợp chuẩn đã bao gồm các độ dày đề xuất

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN QUỐC GIA VIỆT NAM
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHỤ HỢP - QUACERT
Số: 3459/QĐ-QUACERT Hà Nội, ngày 07 tháng 07 năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHỤ HỢP

Chức vụ Quyết định số 3459/QĐ-TPC ngày 07/07/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Chứng nhận Phù hợp về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Chứng nhận Phù hợp và việc Ban hành Quy định nội dung và thủ tục chứng nhận và cấp Dấu chỉ lượng sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn;
Căn cứ vào báo cáo kết quả của Đoàn chuyên gia đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận;

QUYẾT ĐỊNH:
Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm Hệ thống chống sét (chỉ các sản phẩm có độ dày mạ kẽm mạ điện) của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Ngôi sao Châu Á có địa chỉ tại số tại: Tầng 3, tòa nhà Trung tâm thương mại Intersecto, số 17 Đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam; Văn phòng và Nhà máy: Lô C3-C4, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Hà Nội, Việt Nam;
Điều 2. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày 07/07/2020 đến ngày 06/07/2023. Trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận, Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Ngôi sao Châu Á được phép sử dụng Giấy chứng nhận số SP.2781.2017 và Dấu chỉ lượng;
Điều 3. Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Ngôi sao Châu Á có trách nhiệm duy trì và cải tiến chất lượng sản phẩm, hệ thống đảm bảo chất lượng phù hợp với các yêu cầu quy định và được Trung tâm Chứng nhận Phù hợp - QUACERT đánh giá giám sát định kỳ 12 tháng một lần trong công 02 lần trong 03 năm...;

GIÁM ĐỐC
Nơi nhận:
- Như trên !
- Lưu VT, hồ sơ chứng nhận.
Phạm Lê Lương

TỔNG CỤC CHỨNG NHẬN PHỤ HỢP (QUACERT)
2 Phố Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại: 024 2242 1100 | Fax: 024 2242 1101
Email: info@quacert.vn | www.quacert.vn

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN QUỐC GIA VIỆT NAM
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHỤ HỢP - QUACERT

PHỤ LỤC PHẠM VI CHỨNG NHẬN
APPENDIX OF CERTIFICATION SCOPE
(Bản hành kèm theo Giấy chứng nhận số/ Attached to Certificate Number SP.2781.2017)

Chỉ tiết sản phẩm Hệ thống chống sét mạ kẽm cấp

TT	Tên sản phẩm	Kích thước	Các đặc tính kỹ thuật
1	Hệ thống mạ kẽm cấp độ 10 không tiếp xúc với thép mạ kẽm và thép sơn tĩnh điện	Rộng: từ 100mm đến 600mm x Cao: từ 60mm đến 200mm x Đáy: từ 0,75mm đến 2,5mm	- Tải trọng an toàn 2056N/m; - Có đặc tính dẫn điện liên tục; - Có tính dẫn điện; - Không cháy lan; - Chống ăn mòn cấp 3; - Chịu được va đập đến 5J; - Nhiệt độ làm việc từ -5°C đến 60°C
2	Hệ thống mạ kẽm cấp độ 2 không tiếp xúc với thép mạ kẽm và thép sơn tĩnh điện	Rộng: từ 100mm đến 600mm x Cao: từ 60mm đến 200mm x Đáy: từ 0,75mm đến 2,5mm	- Tải trọng an toàn 2056N/m; - Có đặc tính dẫn điện liên tục; - Có tính dẫn điện; - Không cháy lan; - Chống ăn mòn cấp 3; - Chịu được va đập đến 5J; - Nhiệt độ làm việc từ -5°C đến 60°C
3	Hệ thống mạ kẽm cấp độ 3 không tiếp xúc với thép mạ kẽm và thép sơn tĩnh điện	Rộng: từ 100mm đến 1200mm x Cao: từ 50mm đến 200mm x Đáy: từ 0,75mm đến 2,0mm	- Tải trọng an toàn 4001,11N/m; - Có đặc tính dẫn điện liên tục; - Có tính dẫn điện; - Không cháy lan; - Khả năng chống ăn mòn cấp 3; - Chịu được va đập đến 10J; - Nhiệt độ làm việc từ -5°C đến 60°C

GIÁM ĐỐC
Phạm Lê Lương

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN QUỐC GIA VIỆT NAM
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHỤ HỢP - QUACERT
Số: 3711/QUACERT-KT Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHỤ HỢP

Kính gửi: Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Ngôi sao Châu Á

Sau khi tiến hành đánh giá giám sát ngày 27/6/2022, Trung tâm Chứng nhận Phù hợp (QUACERT) nhận thấy rằng Quý Công ty vẫn tiếp tục duy trì được hệ thống đảm bảo chất lượng tuân thủ theo các yêu cầu của tiêu chuẩn và kết quả nghiên cứu mẫu định hình phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn áp dụng. Hồ sơ đánh giá của Công ty đã được xem xét và đánh giá việc duy trì chứng nhận sản phẩm với nội dung cụ thể như sau:

TT	Sản phẩm	Số giấy chứng nhận	Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng	Nhãn hiệu thương mại
1	Hệ thống chống sét (Chỉ tiết đặc tính kỹ thuật 03 sản phẩm xem Phụ lục kèm theo: GCN: SP.2781.2017)	SP.2781.2017	TCSN IEC 61537:2006	transcert

Kết quả thực hiện hành động khắc phục đối với các điểm không phù hợp trong lần giám sát vừa qua sẽ được Đoàn chuyên gia đánh giá kiểm tra sản phẩm trong lần giám sát tiếp theo.

Trong tâm Chứng nhận Phù hợp (QUACERT) thông báo để Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Ngôi sao Châu Á được biết và kính chúc Quý Công ty đạt được nhiều thành công hơn nữa trong hoạt động của mình.

Trân trọng./

Nơi nhận:
- Như trên !
- Lưu VT, hồ sơ chứng nhận.

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHỤ HỢP (QUACERT)
2 Phố Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại: 024 2242 1100 | Fax: 024 2242 1101
Email: info@quacert.vn | www.quacert.vn



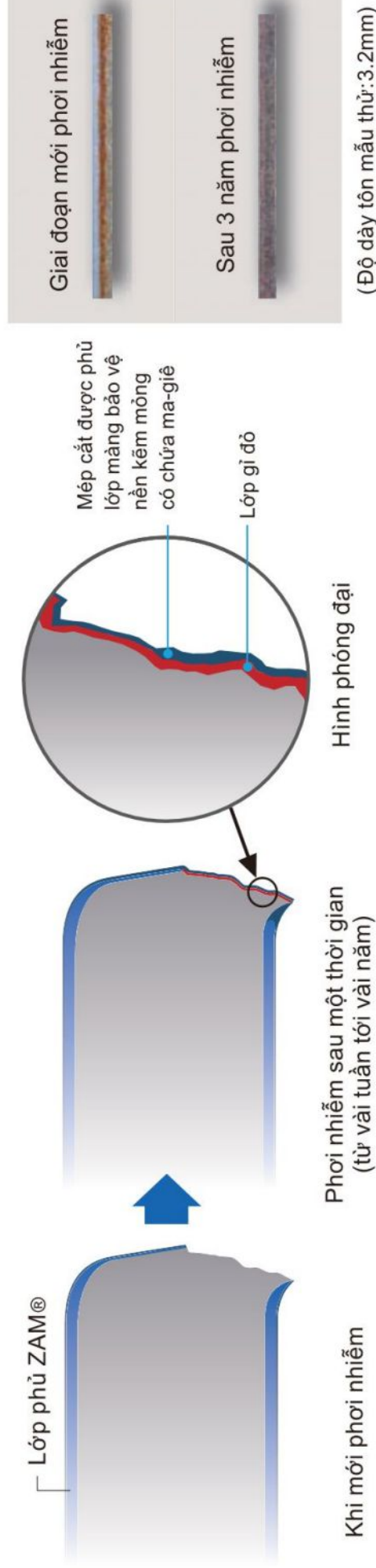
KHẢ NĂNG TỰ VẮ LỖ ĐỘT CỦA ZAM K27

Khả năng này có được là nhờ thành phần của lớp mạ ZAM với độ dày K27, do NSX Nippon Steel

công bố trong các tài liệu và trên web site của hãng: Corrosion.resistance.mechanism.of.ZAM®.-ZAM.nipponsteel.com.

Chống ăn mòn siêu cấp - 2

Sức chống ăn mòn vượt trội đối với các mép cắt của ZAM có được nhờ lớp màng bảo vệ nền kẽm mịn có chứa nhôm (Al) và Ma-giê (Mg) từ lớp phủ mật leo bám xuống tạo ra.



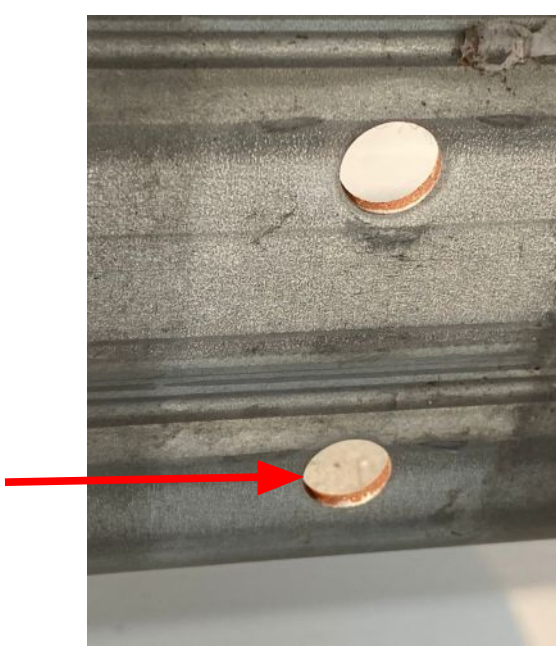


TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ TẠI VIỆT NAM

sau 3 năm



Vết rỉ trên cạnh lỗ đột
gọn, có xu hướng thu hẹp
dần, không loang rộng



Môi trường ngoài trời, có mái che. Áp dụng theo dõi với ZAM dày 2.5mm. Từ năm 2020.



TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ TẠI VIỆT NAM

sau 3 năm



Sàn công tác ZAM K27, dày 1.2mm. Độ cắt mật độ cao. Phơi ngoài trời từ năm 2020



Tất cả các vết đột đều đã chấm dứt vết rỉ đỏ

Thậm chí ở các đầu thanh, rãnh của thanh U với mật độ đột dập rất cao



Với các thanh U làm từ thép mạ kẽm, liên kết bằng hàn hồ quang, cùng tuổi thọ xuất hiện hiện tượng như hình



NĂNG LỰC SẢN XUẤT : 450 TẤN/ NGÀY

Trên dây chuyền hoàn toàn tự động

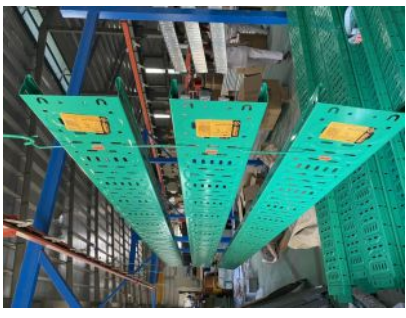
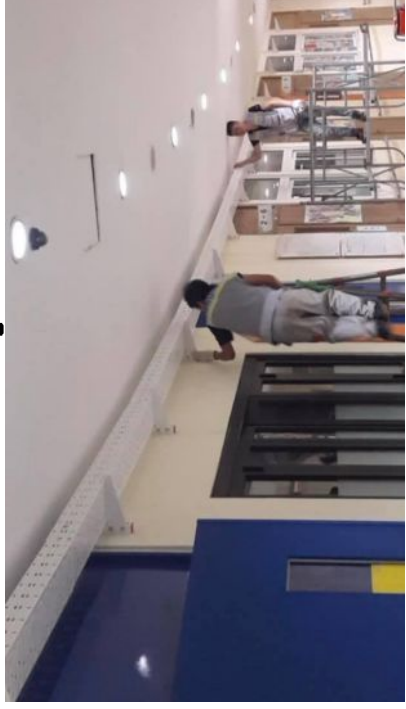


Automatic Cable tray and Cable ladder production line with capacity of 3000m per day





Một số hình ảnh sản phẩm





Thank you !